

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP ALPHA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHÁP ALPHA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALPHA SOLUTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ALPHA SOLUTION JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502513000

**3. Ngày thành lập:**

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 42 Ngô Gia Tự, Khu phố 2, Phường Phước Trung, Phường Phước Trung, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: trang trí nội, ngoại thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330        |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo các công trình di tích lịch sử, văn hóa, nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4390        |
| 3.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Mua bán ô tô và xe có động cơ khác: xe tải, xe ben, xe cơ giới các loại...                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4511        |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Môi giới thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4610        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Mua bán sách báo, văn phòng phẩm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4649        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, lâm nghiệp, nông nghiệp và xây dựng; Mua bán vật tư, máy móc, trang thiết bị, phương tiện, âm thanh, ánh sáng phục vụ tổ chức sự kiện, lễ hội;                                                                                                                                                        | 4659        |
| 7.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ giới thiệu, trưng bày hàng hóa, dịch vụ; Kinh doanh dịch vụ hội chợ, triển lãm thương mại; xúc tiến thương mại; Dịch vụ tổ chức sự kiện, lễ hội; Dịch vụ tổ chức: hội thảo, hội nghị, chương trình đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho các doanh nghiệp; Dịch vụ nghiên cứu và phân tích thị trường, tư vấn tiếp thị, quảng bá, quan hệ công chúng. | 8230(Chính) |
| 8.  | Đào tạo sơ cấp<br>Chi tiết: Dạy nghề ngắn hạn;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8531        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Hoạt động thư viện và lưu trữ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9101 |
| 10. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: tổ chức biểu diễn nghệ thuật; Kinh doanh khu vui chơi giải trí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9329 |
| 11. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Thiết kế website; Thiết kế logo, nhãn mác, tờ gấp...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6209 |
| 12. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư. (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7020 |
| 13. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện công trình; Thiết kế công trình điện năng (đường dây tải điện và trạm biến thế đến 35KV); Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; Thiết kế công trình thủy lợi (đập, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); Thiết kế công trình giao thông (đường bộ, cầu nhỏ); Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông; Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi; Giám sát lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng và công nghiệp. Khảo sát địa chất công trình, khảo sát địa hình phục vụ cho công tác lập dự án đầu tư xây dựng và công tác thiết kế các công trình xây dựng; Tư vấn về thí nghiệm để cung cấp hoặc kiểm tra các thông số kỹ thuật phục vụ cho thiết kế và kiểm định đánh giá chất lượng công trình xây dựng; Tư vấn xác định, đánh giá nguyên nhân sự cố công trình xây dựng và các yếu tố khác liên quan để đề xuất hoặc lập các phương án gia cố, sửa chữa, cải tạo hoặc phá dỡ; Tư vấn về công nghệ xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị xây dựng; Lập dự án đầu tư, quản lý dự án công trình; Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu; Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật; Hoạt động đo đạc bản đồ. | 7110 |
| 14. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310 |
| 15. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7320 |
| 16. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chi tiết: Dịch vụ quay phim chụp ảnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7420 |
| 17. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch thuật tài liệu, sách báo; Tư vấn về thông tin, truyền thông; Tư vấn về môi trường.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7490 |
| 18. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe có động cơ: ô tô du lịch các loại, xe cơ giới, xe tải....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7710 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | In ấn<br>Chi tiết: In lụa, in ôp sét.                                                                                                                                                                                                                         | 1811 |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Đại lý bán vé xe lửa, máy bay, tàu thủy                                                                                                                                                      | 5229 |
| 21. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ có kinh doanh du lịch, khu du lịch sinh thái, bãi cắm trại, biệt thự kinh doanh du lịch.                                                              | 5510 |
| 22. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ                                                                                                                                                               | 5610 |
| 23. | Xuất bản sách<br>Chi tiết: Xuất bản sách                                                                                                                                                                                                                      | 5811 |
| 24. | Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ<br>Chi tiết: Xuất bản báo và các ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền quảng cáo (chỉ được phép hoạt động khi có giấy phép xuất bản).                                                                                   | 5813 |
| 25. | Hoạt động truyền hình<br>Chi tiết: Sản xuất các chương trình truyền hình (phim quảng cáo, phim phóng sự, phim tài liệu, phim ca nhạc...).                                                                                                                     | 6021 |
| 26. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, trang thiết bị, phương tiện, âm thanh, ánh sáng phục vụ tổ chức sự kiện, lễ hội. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển | 7730 |
| 27. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu việc làm                                                                                                                                | 7810 |
| 28. | Cung ứng lao động tạm thời<br>Chi tiết: Cung ứng lao động tạm thời; Cung ứng và quản lý nguồn lao động; cung ứng và tuyển dụng lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động trong nước.                                                                   | 7820 |
| 29. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                | 7911 |
| 30. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa.                                                                                                                                                                                                | 7912 |
| 31. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                           | 7990 |
| 32. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                             | 4101 |
| 33. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                       | 4102 |
| 34. | Xây dựng công trình đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông                                                                                                                                                                                      | 4212 |
| 35. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước<br>Chi tiết: Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước.                                                                                                                                                                | 4222 |
| 36. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp                                                                                                                                                                       | 4299 |

|     |                   |      |
|-----|-------------------|------|
| 37. | Phá dỡ            | 4311 |
| 38. | Chuẩn bị mặt bằng | 4312 |

6. **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                               | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>NGUYỆT | B1002 Chung cư<br>15 Tầng Trung<br>tâm thương mại,<br>Phường 7, Thành<br>phố Vũng Tàu,<br>Tỉnh Bà Rịa -<br>Vũng Tàu, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000       | 1.000.000.000            | 20,000       | 0401830111<br>49                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                                  | Tổng số                            | 100.000       | 1.000.000.000            | 20,000       |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRẦN LÊ<br>HUYỀN     | Số 61/2 Hoàng<br>Văn Thụ, Phường<br>7, Thành phố<br>Vũng Tàu, Tỉnh<br>Bà Rịa - Vũng<br>Tàu, Việt Nam                             | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 100.000       | 1.000.000.000            | 20,000       | 0351930072<br>53                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                                  | Tổng số                            | 100.000       | 1.000.000.000            | 20,000       |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                                        |                           |         |               |        |              |
|---|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | PHAN CÔNG SƠN | Số 92/8 Hoàng Hoa Thám, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 300.000 | 3.000.000.000 | 60,000 | 026077005770 |
|   |               |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                        | Tổng số                   | 300.000 | 3.000.000.000 | 60,000 |              |
|   |               |                                                                                        |                           |         |               |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: PHAN CÔNG SƠN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 24/05/1977

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 026077005770

Ngày cấp: 01/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 92/8 Hoàng Hoa Thám, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 92/8 Hoàng Hoa Thám, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu